

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Sáu
- Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số A ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số A ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An

(Bà N có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông Thanh vắng m).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thu N trình bày:

Năm 2000, bà Lê Thị Thu N và ông Nguyễn Hoàng T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Long An ngày 28/8/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm chăm sóc cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Thu N thống nhất xác định bà và ông Nguyễn Hoàng T có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng S, sinh năm 2001 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Hà C, sinh ngày 02/01/2010. Hiện cháu C đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu N xác định không tranh chấp về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 02 Giấy khai sinh (bản sao); 01 Căn cước công dân (bản sao).

Cháu Nguyễn Ngọc Hà C có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại thị trấn B, huyện B về việc tranh chấp “Ly hôn”. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2]. Nguyên đơn bà Lê Thị Thu N có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3]. Bà Lê Thị Thu N, ông Nguyễn Hoàng T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Long An ngày 28/8/2000 theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì

quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Trong quá trình nộp đơn khởi kiện, bà N cho rằng giữa bà N và ông T đã phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng không hòa hợp với nhau về mọi mặt và không ai còn quan tâm đến nhau, ông T tính tình thay đổi, ham mê cờ bạc, ăn chơi với bạn bè không lo gì tới vợ con. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cho bà N và ông T thời gian đoàn tụ nhưng ông T không có bất kỳ ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà N mà vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc đoàn tụ giữa các đương sự không có kết quả nên Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Lê Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

[5]. Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của bà Lê Thị Thu N cùng các chứng cứ do bà Lê Thị Thu N cung cấp thì bà N và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng S, sinh năm 2001 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Hà C, sinh ngày 02/01/2010. Xét thấy, hiện cháu C đang sống với bà N, cuộc sống đã ổn định. Hơn nữa, cháu C có nguyện vọng là muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu C nên giao cháu C cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và ông T có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định.

[6]. Về chia tài sản, nợ chung: Bà N trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Ông Thanh vắng m và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điểm a khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Thu N với ông Nguyễn Hoàng T.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Thu N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Hà C, sinh ngày 02/01/2010. Ông Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thu N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí bà Lê Thị Thu N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007143 ngày 29/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức chuyển sang án phí. Bà Lê Thị Thu N đã nộp đủ án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Nga

